

Số : 834-11/22-5.4 / KQPT

Tp.HCM, ngày 26 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY KHÍ CÀ MAU

1/ Địa điểm lấy mẫu : TRẠM TIẾP BỜ (LFS)

2/ Địa chỉ : Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

3/ Thời gian lấy mẫu: 19/11/2022

4/ Loại mẫu : Vi khí hậu, Tiếng ồn, ánh sáng

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp thực hiện	Phạm vi đo
1	Tiếng ồn*	TCVN 7878-2: 2018	30÷120 dBA
2	Nhiệt độ*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0÷50 °C
3	Độ ẩm*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0÷100 %RH
4	Vận tốc gió*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0,6÷40 m/s
5	Ánh sáng**	Máy đo ánh sáng TES 1335	0÷400.000 Lux

KẾT QUẢ ĐO VI KHÍ HẬU, TIẾNG ÒN, ÁNH SÁNG

Điểm Đo	Cường độ ồn (dBA)	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Ánh sáng (Lux)
1.Khu vực trước cổng trạm	55	-	-	-	-
2.Khu vực 50 m ngoài hàng rào dưới gió	52	-	-	-	-
Giới hạn tối đa cho phép trong khu vực công cộng và dân cư (QCVN26:2010/BTNMT)	Từ 6 giờ - 21 giờ: 70 21 giờ - 6 giờ: 55	-	-	-	-
3.Khu vực thiết bị PVC	65	-	-	-	-
4.Khu vực gần cụm thiết bị nén	70	-	-	-	-
5.Khu vực Phòng điều khiển	62	28,3	66,1	0,4	574
6.Khu vực gần với các cụm tách lỏng thủy ngân	67	-	-	-	-
QCVN 22:2016/BYT QCVN 24:2016/BYT QCVN 26:2016/BYT	≤ 85	18 - 32	40 - 80	0,2 - 1,5	≥ 500

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

() : Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận*

*(**) : Chỉ tiêu đã được Sở Y Tế Tp HCM công nhận*

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**



Quách Văn Duy



**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**

ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

1/9

Số : 834-11/22-5.4 / KQPT

Tp.HCM, ngày 26 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY KHÍ CÀ MAU

1/ Địa điểm lấy mẫu : TRẠM TIẾP BỜ (LFS)

2/ Địa chỉ : Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

3/ Thời gian lấy mẫu: 19/11/2022

4/ Loại mẫu : Chất lượng không khí

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)*	TCVN 5067: 1995	TCVN 5067:1995	0,010 mg/m ³
2	CO*	SOP K01-LM	SOP K01-PT	0,044 mg/m ³
3	SO ₂ *	TCVN 5971:1995	TCVN 5971: 1995	0,0085 mg/m ³
4	NO ₂ *	TCVN 6137: 2009	TCVN 6137:2009	0,0046 mg/m ³
5	O ₃ *	MASA 411	MASA 411	0,020 mg/m ³
6	CxHy (THC)*	NIOSH Method 1500	NIOSH Method 1500	0,030 mg/m ³
7	VOCs*	NIOSH Method 1501	NIOSH Method 1501	0,005 mg/m ³
8	Pb*	TCVN 5067: 1995	TCVN 6152:1996	56×10 ⁻⁶ mg/m ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Chỉ tiêu Điểm đo	Bụi (mg/m ³)	CO (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	Pb (mg/m ³)	O ₃ (mg/m ³)	THC (mg/m ³)	VOCs (mg/m ³)
1.Khu vực trước cổng trạm	0,11	2,52	0,030	0,025	KPH	KPH	0,92	1,22
2.Khu vực 50 m ngoài hàng rào dưới gió	0,10	1,84	0,027	0,021	KPH	KPH	KPH	-
Quy chuẩn về chất lượng không khí xung quanh (QCVN 05 : 2013/BTNMT) (QCVN 06 : 2009/BTNMT)	0,3	30	0,35	0,2	-	0,2	5	-
3.Khu vực thiết bị PVC	0,22	2,76	0,066	0,034	-	KPH	1,10	-
4.Khu vực gần cụm thiết bị nén	-	-	-	-	KPH	KPH	1,27	1,48
QCVN 02:2019/BYT^(a) QCVN 03:2019/BYT^(a)	4	10	2,5	2,5	-	-	-	-
Tiêu chuẩn vệ sinh lao động (Quyết định 3733/2002/ QĐ-BYT – 10/10/2002)	-	-	-	-	0,05	0,1	-	-

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

() : Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận*

(a)Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc thực tế của công ty (12 giờ/ngày)

KPH: Không phát hiện (< MDL)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**



**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**

ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Quách Văn Duy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

2/9

Số : 834-11/22-5.4 / KQPT

Tp.HCM, ngày 26 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY KHÍ CÀ MAU

1/ Địa điểm lấy mẫu : TRẠM TIẾP BỜ (LFS)

2/ Địa chỉ : Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

3/ Thời gian lấy mẫu: 19/11/2022

4/ Loại mẫu : Điện từ trường**

KẾT QUẢ ĐO ĐIỆN TỪ TRƯỜNG

STT	VỊ TRÍ ĐO	E (kV/m)	H (A/m)
1	Khu vực Phòng điều khiển	0,065	0,271
2	Khu vực thiết bị PVC	0,091	0,265
QCVN 25:2016/BTYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điện từ trường tần số công nghiệp (f=50-60Hz)		< 5	< 400

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc
(**): Chỉ tiêu đã được Sở y tế –Tp HCM công nhận

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG



Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC



ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Số : 834-11/22-5.4 / KQPT

Tp.HCM, ngày 26 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY KHÍ CÀ MAU

1/ Địa điểm lấy mẫu : TRẠM TIẾP BỜ (LFS)

2/ Địa chỉ : Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

3/ Thời gian lấy mẫu: 19/11/2022

4/ Loại mẫu : Độ rung

5/ Phương pháp thực hiện:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp thực hiện	Phạm vi đo
1	Độ rung*	TCVN 6963:2001	30÷130 dB

KẾT QUẢ MỨC GIA TỐC RUNG

Điểm Đo	Thời gian (h)	Mức gia tốc rung (dB)
1.Khu vực gần cụm thiết bị nén	11h10'	56
2.Khu vực gần với các cụm tách lỏng, thủy ngân	11h30'	57
Giá trị tối đa cho phép về mức gia tốc rung đối với hoạt động sản xuất thương mại dịch vụ tại khu vực thông thường (QCVN 27:2010/BTNMT)	6 giờ - 21 giờ	70
	21 giờ - 6 giờ	60

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đặc
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG



Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC



ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Số : 834-11/22-5.4 / KQPT

Tp.HCM, ngày 26 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY KHÍ CÀ MAU

1/ Địa điểm lấy mẫu : TRẠM TIẾP BỜ (LFS)

2/ Địa chỉ : Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

3/ Thời gian lấy mẫu: 19/11/2022

4/ Loại mẫu : Khí thải

5/ Phương pháp phân tích

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Bụi (PM)*	US EPA Method 5	US EPA Method 5	7,2 mg/Nm ³
2	CO*	TCVN 7242:2003	TCVN 7242:2003	2,7 mg/Nm ³
3	NO _x (tính theo NO ₂)*	TCVN 7245:2003	TCVN 7245:2003	1,5 mg/Nm ³
4	SO ₂ *	TCVN 7246:2003	TCVN 7246:2003	5,4 mg/Nm ³
5	Lưu lượng*	US EPA Method 2	-	0 - 4.521.600 m ³ /h
6	VOC _s (Toluen*)	US EPA Method 0010	US EPA Method 8015D	0,01 mg/Nm ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu	Lưu lượng	Bụi	CO	SO ₂	NO _x	VOC _s
Nguồn thải	P (m ³ /h)	mg/Nm ³	mg/Nm ³	mg/Nm ³	mg/Nm ³	mg/Nm ³
Khí thải tại vị trí xả của tua bin (Đo tại nguồn thải)	P<20.000	18	8,6	KPH	6,3	KPH
QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B)	C _{max} = C x K _p x K _v với K _p =1 và K _v = 1	200	1000	500	850	-
QCVN 20 : 2009/BTNMT	-	-	-	-	-	-

*Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
KPH: Không phát hiện (< MDL)*

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**



Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**



ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

5/9



TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com



Số : 834-11/22-5.4 / KQPT

Tp.HCM, ngày 26 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY KHÍ CÀ MAU

1/ Địa điểm lấy mẫu : TRẠM TIẾP BỜ (LFS)

2/ Địa chỉ : Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

3/ Thời gian lấy mẫu: 19/11/2022

4/ Loại mẫu : Nước cấp sinh hoạt tại LFS

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 01-1 :2018/BYT	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước uống, nước sạch *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, US EPA Method 5021A.
1	pH* (26,2°C)	-	7,04	2 ~ 12	Trong khoảng 6,0 – 8,5	TCVN 6492:2011
2	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/L	54,3	1,5	300	TCVN 6224:1996
3	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	KPH	0,26	2	TCVN 6186:1996
4	Hàm lượng Clorua*	mg/L	98,5	1,5	250 (hoặc 300)	TCVN 6194:1996
5	Hàm lượng Sunphat*	mg/L	12,6	1,1	250	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ .E:2017
6	Hàm lượng Nitrat*	mgN/L	1,84	0,009	2	TCVN 6180:1996
7	Hàm lượng Nitrit*	mgN/L	KPH	0,006	0,05	SMEWW 4500-NO ₂ .B:2017
8	Hàm lượng Sắt tổng số*(Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	mg/L	KPH	0,016	0,3	TCVN 6177:1996
9	Màu sắc*	Co-Pt	KPH	1,6	15	SMEWW 2120.C:2017
10	Độ đục*	NTU	0,04	0,01 ~ 1000	2	SMEWW 2130.B:2017
11	Hàm lượng Amoni*	mgN/L	KPH	0,008	0,3	TCVN 6179-1:1996
12	Hàm lượng Florua*	mg/L	KPH	0,006	1,5	SMEWW 4110.B:2017
13	PO ₄ ³⁻ (tính theo P) ^(c)	mg/L	KPH	0,011	-	TCVN 6202:2008
14	E.coli*	CFU/ 250mL	< 1 ⁽ⁱ⁾	1	<1	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)
15	TS	mg/L	142	5,0	-	SMEWW 2540B:2017

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Chỉ tiêu đã được Vilas công nhận (Vilas 444).

(i): Kết quả được biểu thị < 1 CFU được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trên thể tích mẫu phân tích.

KPH: Không phát hiện (< MDL)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**



ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

6/9



TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com



Số : 834-11/22-5.4 / KQPT

Tp.HCM, ngày 26 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY KHÍ CÀ MAU

1/ Địa điểm lấy mẫu : TRẠM TIẾP BỜ (LFS)

2/ Địa chỉ : Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

3/ Thời gian lấy mẫu: 19/11/2022

4/ Loại mẫu : Nước thải khu sản xuất

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 14: 2008/BTNMT (Cột B), K=1,2	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH* (30,4°C)	-	7,41	2 ÷ 12,5	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	Nhiệt độ*	°C	30,4	4 ÷ 50	-	SMEWW 2550.B:2017
3	TSS**	mg/L	31	5,0	120	SMEWW 2540.D: 2017
4	BOD ₅ **	mg/L	36	1,0	60	TCVN 6001-1:2008
5	Tổng N**	mg/L	24,1	1,56	-	TCVN 6638: 2000
6	Tổng P**	mg/L	4,32	0,017	-	TCVN 6202: 2008
7	DO***	mgO ₂ /L	1,42	0,11	-	TCVN 7324: 2004
8	Fe**	mg/L	0,63	0,05	-	TCVN 6177: 1996
9	Pb*	mg/L	KPH	0,0021	-	SMEWW 3113.B: 2017
10	Cd*	mg/L	KPH	13 × 10 ⁻⁵	-	SMEWW 3113.B: 2017
11	Ni**	mg/L	KPH	0,02	-	TCVN 6193:1996
12	Zn**	mg/L	KPH	0,015	-	TCVN 6193:1996
13	Tổng Crôm (Cr)*	mg/L	KPH	0,015	-	SMEWW 3111.B: 2017
14	Hg*	mg/L	KPH	25 × 10 ⁻⁵	-	TCVN 7877:2008
15	Mn*	mg/L	KPH	0,013	-	SMEWW 3111.B:2017
16	Coliform*	MPN/100mL	2.600	2	5.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

(***): Chỉ tiêu đã được Vilas công nhận

KPH: Không phát hiện (< MDL)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Quách Văn Duy



**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**

ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

7/9

Số : 834-11/22-5.4 / KQPT

Tp.HCM, ngày 26 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY KHÍ CÀ MAU

1/ Địa điểm lấy mẫu : TRẠM TIẾP BỜ (LFS)

2/ Địa chỉ : Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

3/ Thời gian lấy mẫu: 19/11/2022

4/ Loại mẫu : Đất tại LFS

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH ĐẤT

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 03-MT: 2015/BTNMT Đất Công Nghiệp	Phương pháp phân tích
-	Lấy và bảo quản mẫu*	-	-	-	-	TCVN 5297:1995; TCVN 7538-2:2005; TCVN 4046:1985.
1	Cadimi (Cd)**	mg/kg	0,52	0,21	10	TCVN 6649:2000+ TCVN 6496:2009
2	Chì (Pb)**	mg/kg	17,6	2,5	300	TCVN 6649:2000+ TCVN 6496:2009
3	Kẽm (Zn)**	mg/kg	87,2	0,21	300	TCVN 6649:2000+ TCVN 6496:2009
4	Tổng Crôm (Cr)*	mg/kg	3,14	1,1	250	TCVN 6649:2000+ TCVN 6496:2009
5	Thủy ngân (Hg)*	mg/kg	KPH	0,04	-	TCVN 6649:2000 + TCVN 8882:2011
6	Niken (Ni)***	mg/kg	9,63	1,2	-	TCVN 6649:2000+ TCVN 6496:2009

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

(***): Chỉ tiêu đã được Vilas công nhận

KPH: Không phát hiện (< MDL)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**



Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**



ThS.Thái Sanh Bảo Huy

Số : 834-11/22-5.4 / KQPT

Tp.HCM, ngày 26 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY KHÍ CÀ MAU

1/ Địa điểm lấy mẫu : TRẠM TIẾP BỜ (LFS)

2/ Địa chỉ : Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

3/ Thời gian lấy mẫu: 19/11/2022

4/ Loại mẫu : Trầm tích tại LFS

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH TRẦM TÍCH

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 43: 2017/BTNMT Trầm tích nước mặn, nước lợ	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu trầm tích*	-	-	-	-	TCVN 6663-13:2015; TCVN 6663-15:2004; TCVN 6663-19:2015
1	Chì (Pb)*	mg/kg	11,2	2,5	112	TCVN 6496:2009+ TCVN 6649:2000
2	Cadimi (Cd)*	mg/kg	KPH	0,21	4,2	TCVN 6496:2009+ TCVN 6649:2000
3	Kẽm (Zn)*	mg/kg	27,6	0,23	271	TCVN 6496:2009+ TCVN 6649:2000
4	Tổng Crôm (Cr)*	mg/kg	1,24	1,1	160	TCVN 6496:2009+ TCVN 6649:2000
5	Thủy ngân (Hg)*	mg/kg	KPH	0,04	0,7	TCVN 6649:2000 + TCVN 8882:2011

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
KPH: Không phát hiện (< MDL)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**



Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**



ThS. Thái Sanh Bảo Huy